

Số: 207/20/CBTT-DBT
CBTT BCTC Hợp nhất
Quý 4 năm 2020

Bến Tre, ngày 30 tháng 01 năm 2021

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM**

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6A3, quốc lộ 60, P.Phú Tân, TP.Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng điều hành tại TPHCM: số 11 đường Nguyễn Trọng Quyền, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM.
5. Điện thoại: 0283.622.0205
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiên
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 30 tháng 01 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.
 - 7.2. Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2020 là 6.303.161.729 đồng, giảm 6.058.919.527 đồng, giảm 49% so với cùng kỳ, nguyên nhân:

Doanh thu bán hàng Quý 4 năm 2020 tăng 50,9 tỉ đồng so với cùng kỳ, tuy nhiên giá vốn hàng bán tăng 51,2 tỉ, chi phí lãi vay tăng 2,1 tỉ và phần lãi trong công ty liên kết giảm 1,7 tỉ so với cùng kỳ, dẫn đến lợi nhuận giảm so với cùng kỳ.

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

PHẠM THỨ TRIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		703.424.843.296	543.581.411.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	28.642.636.528	31.784.441.041
1. Tiền	111		18.642.636.528	21.784.441.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	58.000.000.000	50.317.960.204
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.000.000.000	50.317.960.204
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.682.979.202	157.051.575.568
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	188.234.206.927	133.536.655.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.871.332.345	1.944.869.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	10.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	11.355.940.789	12.480.535.881
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(778.500.859)	(910.484.654)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	397.312.526.827	290.675.870.633
1. Hàng tồn kho	141		402.285.973.389	291.464.806.073
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.973.446.562)	(788.935.440)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.786.700.739	13.751.564.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.260.025.455	554.125.216
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	15.525.160.504	13.056.703.510
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	1.514.780	140.735.581
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.629.019.963	170.402.873.065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	9	4.970.414.087	3.777.275.515
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		4.970.414.087	3.777.275.515
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		79.936.073.735	83.386.179.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	75.488.113.759	79.384.180.296
- Nguyên giá	222		181.001.403.201	172.941.574.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.513.289.442)	(93.557.393.730)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.447.959.976	4.001.999.090
- Nguyên giá	228		6.596.578.777	6.198.788.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.148.618.801)	(2.196.789.687)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	5.449.091.839	1.136.496.296
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.449.091.839	1.136.496.296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	54.529.138.988	55.213.913.039
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.529.138.988	55.213.913.039
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.744.301.314	26.889.008.829
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	43.298.419.340	19.798.676.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29.3	828.017.251	1.713.077.689
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	17	4.617.864.723	5.377.254.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		897.053.863.259	713.984.284.818

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		650.360.466.528	476.120.136.380
I. Nợ ngắn hạn	310		626.397.959.528	466.570.466.511
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	200.404.624.602	135.573.039.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		440.154.188	491.732.713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	7.980.259.257	4.558.071.588
4. Phải trả người lao động	314		7.492.667.129	3.133.546.332
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.884.717.148	18.563.313
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180.000.000	180.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.814.199.982	4.409.324.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	401.906.829.403	317.506.537.769
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.294.507.819	699.650.616
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.962.507.000	9.549.669.869
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		130.500.000	130.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	23.832.007.000	8.821.647.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29.3	-	597.522.869
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		246.693.396.731	237.864.148.438
I. Vốn chủ sở hữu	410		246.643.396.731	237.814.148.438
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22.1	135.288.140.000	135.288.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.288.140.000	135.288.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22.1	433.056.160	433.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22.1	1.281.212.849	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	22.1	9.354.804.815	9.354.804.815
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22.1	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.1	41.696.901.856	35.709.307.160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.437.337.023	27.695.043.861
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.259.564.833	8.014.263.299
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22.5	56.052.458.958	54.492.018.210
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		897.053.863.259	713.984.284.818

Bến Tre, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập



Nguyễn Khắc Hành
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.1	289,597,539,799	235,685,933,111	850,397,048,086	793,588,502,985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23.1	4,511,651,521	1,481,081,260	7,859,449,345	7,306,038,372
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23.1	285,085,888,278	234,204,851,851	842,537,598,741	786,282,464,613
4. Giá vốn hàng bán	11	24	226,962,358,667	175,696,583,590	631,646,213,835	599,037,011,125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58,123,529,611	58,508,268,261	210,891,384,906	187,245,453,488
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.2	3,256,693,304	3,193,591,225	10,097,031,136	8,907,580,622
7. Chi phí tài chính	22	25	8,514,469,882	5,190,616,274	27,038,595,459	16,969,597,574
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,714,599,152	4,601,995,543	23,842,446,048	15,183,926,131
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	16	823,848,564	2,514,641,777	4,032,634,422	5,927,693,372
9. Chi phí bán hàng	25	26	35,363,846,351	30,763,452,619	131,137,976,400	105,427,539,394
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10,819,269,916	14,034,963,754	47,966,096,893	50,785,299,003
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,506,485,330	14,227,468,616	18,878,381,712	28,898,291,511
12. Thu nhập khác	31	27	614,600,208	729,776,611	1,839,425,063	2,564,294,204
13. Chi phí khác	32	28	130,130,755	376,624,325	1,944,526,957	401,647,697
14. Lợi nhuận khác	40		744,730,963	353,152,286	105,101,894	2,162,646,507
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,251,216,293	14,580,620,902	18,773,279,818	31,060,938,018
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.1	2,095,082,193	2,384,947,652	5,140,431,973	5,629,894,636
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.3	147,027,629	166,408,006	287,537,569	208,540,479
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,303,161,729	12,362,081,256	13,345,310,276	25,639,583,861
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5,619,173,231	9,728,485,367	10,386,464,833	22,243,899,808
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		683,988,498	2,633,595,889	2,958,845,443	3,395,684,053
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Bến Tre, ngày 30 tháng 01 năm 2021


 Nguyễn Thị Thanh Giang
 Người lập


 Nguyễn Khắc Hanh
 Kế toán trưởng




 Phạm Thu Triệu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.773.279.818	31.060.938.018
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02	12, 13, 17	13.138.200.877	14.095.146.120
- Các khoản dự phòng	03	6, 10	4.052.527.327	166.459.029
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25	1.264.189.604	365.540.309
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.174.791.208)	(10.867.095.121)
- Chi phí lãi vay	06	25	23.842.446.048	15.183.926.131
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.895.852.466	50.004.914.486
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.021.756.283)	10.505.165.651
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(110.821.167.316)	(117.251.924.651)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		71.608.126.537	2.572.347.645
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.205.642.730)	(86.698.469)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.216.457.029)	(15.165.362.818)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.867.347.937)	(4.668.241.898)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.395.124.352)	(5.188.360.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(92.023.516.644)	(79.278.160.480)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	12, 13, 15	(13.161.497.870)	(8.295.106.305)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.327.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(44.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.317.960.204	21.439.311.029
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(18.214.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.310.623.264
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		359.697.263	7.093.241.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.483.840.403)	(27.839.457.903)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	12.038.200.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(97.850.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	21	826.914.445.766	697.475.786.641
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(727.503.794.132)	(592.327.458.899)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22.3	(45.099.100)	(24.145.231.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		99.365.552.534	92.943.446.075
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.141.804.513)	(14.174.172.308)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.784.441.041	45.955.511.248
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	3.102.101
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	28.642.636.528	31.784.441.041

Bến Tre, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Thị Thanh Giang
Người lập



Nguyễn Khắc Hanh
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. Thông tin Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNĐKKD”) số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành Vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen; Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29; Đường Nguyễn Chí Diểu; Phường An Hải Bắc; Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cảnh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 7 Đường 29/3. Khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre.

Cơ cấu tổ chức

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	82,15	82,15
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00	51,00
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký – Chứng từ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc Vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong đó, hàng hóa có thời hạn sử dụng dưới 6 tháng có phần giá trị dự kiến bị tổn thất bằng giá gốc.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre Vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre Vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12 Lợi thế thương mại và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)*

Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế Vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.16 *Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)*

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

3.17 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại Vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại Vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực Vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.20 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.



Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền gửi ngân hàng	14.794.990.916	20.098.265.245
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền mặt	3.847.645.612	1.686.175.796
TỔNG CỘNG	28.642.636.528	31.784.441.041

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	40.000.000.000	40.000.000.000	35.317.960.204	35.317.960.204
Trái phiếu (**)	18.000.000.000	18.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	58.000.000.000	58.000.000.000	50.317.960.204	50.317.960.204

(*) Đây là hai khoản tiền gửi trị giá 6.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, trong đó có 3.000.000.000 VND đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 21.1).

(**) Đây là 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm.
Đây là 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,0%/năm.
Toàn bộ khoảng trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 21.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	117.268.767	184.343.715
Các bên khác	188.116.938.160	133.352.311.584
<i>Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre</i>	13.935.618.040	4.440.913.536
<i>Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến</i>	9.816.042.839	324.000.000
<i>Văn phòng Điều phối các Dự án về Dân số</i>	-	5.965.050.000
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Hùng (38)</i>	851.575.966	1.426.411.408
<i>Khác</i>	163.513.701.315	121.195.936.640
TỔNG CỘNG	188.234.206.927	133.536.655.299
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(778.500.859)	(910.484.654)
GIÁ TRỊ THUẦN	187.455.706.068	132.626.170.645

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 21.1).

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Số đầu kỳ	910.484.654	1.342.203.908
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(131.983.795)	(431.719.254)
Số cuối kỳ	<u>778.500.859</u>	<u>910.484.654</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	550.200.000	550.200.000
Các bên khác	2.183.911.210	318.659.550
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	276.228.810	-
Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Vietinbank AVIVA	200.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	318.659.550
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Đông Dương	1.492.667.860	
Công Ty TNHH SX & TM Hải Sơn	104.214.540	
Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Cơ Điện DTH	110.800.000	
Khác	<u>1.375.602.555</u>	<u>1.076.009.492</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.871.332.345</u>	<u>1.944.869.042</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản phải thu từ góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones (là bên liên quan) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHTKD-MS ngày 12 tháng 3 năm 2019, mức lợi nhuận được chia cố định là 260.000.000 VND/ quý. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được tự động gia hạn. Hợp đồng kéo dài không quá 3 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Khoản phải thu này được bảo lãnh bởi Ông Vũ Quang Đông (Thuyết minh số 30).

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã thanh lý trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán này.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	11.355.940.789	12.480.535.881
Tạm ứng cho nhân viên	2.510.282.774	3.674.151.292
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.176.909.870	6.898.821.504
Ký quỹ khoản bảo lãnh dự thầu	140.369.081	79.050.000
Lãi ngân hàng dự thu	3.264.086.920	481.627.397
Các khoản chi hộ	1.263.354.494	681.435.800
Khác	937.650	665.449.888
Dài hạn	4.970.414.087	3.777.275.515
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.504.014.087	2.116.876.035
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	238.221.000
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	95.938.480	95.938.480
Khác	461.520	186.240.000
TỔNG CỘNG	<u>16.326.354.876</u>	<u>16.257.811.396</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa (*)	366.705.146.526	(4.973.446.562)	263.069.522.630	(788.935.440)
Nguyên liệu, vật liệu	15.338.353.424	-	10.987.123.874	-
Thành phẩm	5.357.952.892	-	1.773.791.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	922.978.049	-	2.485.277.649	-
Công cụ, dụng cụ	53.470.756	-	36.896.386	-
Hàng gửi đi bán	4.935.645	-	-	-
Hàng đang đi trên đường	13.903.136.097	-	13.112.193.956	-
TỔNG CỘNG	<u>402.285.973.389</u>	<u>(4.973.446.562)</u>	<u>291.464.806.073</u>	<u>(788.935.440)</u>

(*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (*Thuyết minh số 21.1*).

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Số đầu kỳ	788.935.440	859.447.508
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.211.432.673	153.948.530
Xuất hủy trong kỳ	973.078.449	(224.460.598)
Số cuối kỳ	<u>4.973.446.562</u>	<u>788.935.440</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	1.260.025.455	554.125.216
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	662.225.025	265.839.519
Chi phí sửa chữa	11.483.158	92.895.666
Chi phí đào tạo cán bộ	530.833.333	
Chi phí bảo hiểm	55.483.939	34.017.873
Khác	-	161.372.158
Dài hạn	43.298.419.340	19.798.676.849
Tiền thuê đất trả trước (*)	35.782.820.570	11.296.405.098
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	4.836.597.202	5.516.264.241
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.337.684.890	1.273.102.441
Quyền phân phối sản phẩm	583.333.334	1.166.666.667
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng	551.843.162	219.531.496
Khác	206.140.182	326.706.906
TỔNG CỘNG	<u>44.558.444.795</u>	<u>20.352.802.065</u>

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 21.1).

(**) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	85.301.233.373	62.247.557.247	17.087.082.878	8.305.700.528	172.941.574.026
Mua trong kỳ	823.771.537	7.185.148.547	-	50.909.091	8.059.829.175
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	86.125.004.910	69.432.705.794	17.087.082.878	8.356.609.619	181.001.403.201
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	6.959.243.880	14.041.645.810	4.934.400.912	6.490.202.101	32.425.492.703
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(32.438.292.250)	(45.199.501.365)	(8.694.700.150)	(7.224.899.965)	(93.557.393.730)
Khấu hao trong kỳ	(4.712.493.440)	(5.438.579.987)	(1.378.779.570)	(426.042.715)	(11.955.895.712)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(37.150.785.690)	(50.638.081.352)	(10.073.479.720)	(7.650.942.680)	(105.513.289.442)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	52.862.941.123	17.048.055.882	8.392.382.728	1.080.800.563	79.384.180.296
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	48.974.219.220	18.794.624.442	7.013.603.158	705.666.939	75.488.113.759
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.3)</i>	34.791.189.523	3.481.606.104	2.351.463.278	-	40.624.258.905

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Giá trị thương hiệu	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	4.302.988.457	1.895.800.320	-	6.198.788.777
Mua trong kỳ	-	83.290.000	314.500.000	397.790.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	6.596.578.777
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	2.425.705.449
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(870.254.690)	(1.326.534.997)	-	(2.196.789.687)
Hao mòn trong kỳ	(39.273.716)	(373.158.549)	(10.483.332)	(422.915.597)
Điều chỉnh giảm hao mòn lũy kế	471.086.483	-	-	471.086.483
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(438.441.923)	(1.699.693.546)	(10.483.332)	(2.148.618.801)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	3.432.733.767	569.265.323	-	4.001.999.090
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.864.546.534	279.396.774	304.016.668	4.447.959.976
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và số 21.3)</i>	3.045.806.371	-	-	3.045.806.371

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>52.826.363</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>(52.826.363)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>-</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở về mức giá cho thuê của bất động sản đầu tư.

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	<u>641.363.636</u>	<u>253.636.364</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Xây dựng nhà máy sản xuất chủng vi sinh	2.978.132.800	-
Sửa chữa nâng cấp văn phòng, nhà xưởng	2.178.008.139	-
Mua sắm máy đóng gói chất lỏng	292.950.900	-
Dự án Nghiên cứu Y tế ở nước ngoài	-	1.136.496.296
	<u>5.449.091.839</u>	<u>1.136.496.296</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Codupha"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 31 tháng 12 năm, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

	VND
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha</i>
Giá gốc đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>48.108.225.000</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.105.688.039
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	4.876.191.159
Chia cổ tức	(3.791.511.683)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.272.480.843)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	346.584.053
Giảm khác	<u>(843.556.737)</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>6.420.913.988</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>55.213.913.039</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>54.529.138.988</u>

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (Thuyết minh số 21.1).

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND		
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>	<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019			
và Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>3.284.615.191</u>	<u>4.309.280.504</u>	<u>7.593.895.695</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(1.067.499.937)	(1.149.141.467)	(2.216.641.404)
Phân bổ trong kỳ	<u>(328.461.516)</u>	<u>(430.928.052)</u>	<u>(759.389.568)</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>(1.395.961.453)</u>	<u>(1.580.069.519)</u>	<u>(2.976.030.972)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>2.217.115.254</u>	<u>3.160.139.037</u>	<u>5.377.254.291</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>1.888.653.738</u>	<u>2.729.210.985</u>	<u>4.617.864.723</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Các bên khác	200.246.806.525	135.572.875.239
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	73.385.709.734	12.292.699.273
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến</i>	10.990.242.643	10.990.242.643
<i>Gedeon Richter Plc</i>	31.308.635.797	19.958.240.376
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Liksin - Xí nghiệp bao bì Liksin</i>	771.117.808	782.324.400
<i>Công ty TNHH Suheung Việt Nam</i>	298.320.000	433.950.000
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ In bao bì Cuộc Sống Mới</i>	-	298.205.380
<i>Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu</i>	3.051.180.000	339.020.000
<i>Khác</i>	80.441.600.543	90.478.193.167
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	<u>157.818.077</u>	<u>164.730</u>
TỔNG CỘNG	<u>200.404.624.602</u>	<u>135.573.039.969</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.539.300.626	7.940.776.892	(4.590.696.762)	5.889.380.756
Thuế thu nhập cá nhân	1.405.367.311	3.017.581.350	(2.506.682.757)	1.916.265.904
Thuế GTGT	613.403.651	128.617.024.489	(129.055.815.543)	174.612.597
Thuế xuất, nhập khẩu	-	138.707.899	(138.707.899)	-
Thuế nhà đất	-	14.437.358	(14.437.358)	-
Tiền thuê đất	-	416.197.517	(416.197.517)	-
Thuế khác	-	741.429.908	(741.429.908)	-
TỔNG CỘNG	4.558.071.588	140.886.155.413	(137.463.967.744)	7.980.259.257
Phải thu				
Thuế GTGT	13.056.703.510	129.877.255.075	(127.408.798.081)	15.525.160.504
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(14.274.006.252)	14.331.731.252	57.725.000
Khác	140.735.581	343.759.985	(482.980.786)	1.514.780
TỔNG CỘNG	13.197.439.091	130.221.015.060	(127.891.778.867)	15.526.675.284

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	3.789.270.774	-
Chi phí kiểm toán	110.000.000	-
Chi phí lãi vay	644.552.332	18.563.313
Chi phí bảo hiểm	200.000.000	-
Khác	140.894.042	-
TỔNG CỘNG	4.884.717.148	18.563.313

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Vay trong kỳ	Phân loại lại	Trả trong kỳ	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Vay ngắn hạn	317.506.537.769	809.264.445.766	2.639.640.000	(727.503.794.132)	401.906.829.403
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	314.679.461.132	809.264.445.766	-	(724.864.154.132)	399.079.752.766
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.2)	187.436.637	-	-	-	187.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	2.639.640.000	-	2.639.640.000	(2.639.640.000)	2.639.640.000
Vay dài hạn	8.821.647.000	4.000.000.000	(2.639.640.000)	-	10.841.917.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	8.821.647.000	-	(2.639.640.000)	-	6.182.007.000
Vay một bên khác (Thuyết minh số 21.4)	-	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Thuê tài chính		13.650.000.000			13.650.000.000
TỔNG CỘNG	326.328.184.769	826.914.445.766	-	(727.503.794.132)	425.738.836.403

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre				
Khoản vay 1	243.831.583.573	Từ ngày 03 tháng 08 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2021	5.8% - 6.0%	1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 2.271.150 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành và 4.366.680 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Vác xin và Sinh phẩm Nha Trang phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho dược phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận				
Khoản vay 1	49.986.984.581	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	5.5% - 6.5%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HĐTG-Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3.000.000.000 VND; phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Giấy phép quyền sử dụng đất số BA 166880; Hàng tồn kho dược phẩm các loại.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre				
Khoản vay 1	38.338.366.148	Từ ngày 25 tháng 09 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2021	5.3% - 6.0%	Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BN 325781;

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An				
Khoản vay 1	19.191.100.464	Từ ngày 13 tháng 11 năm 2020 đến ngày 11 tháng 9 năm 2021	6.5%	Quyền thu nợ đối với một số khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái				
Khoản vay 1	19.597.566.310	Từ ngày 02 tháng 07 năm 2020 đến ngày 28 tháng 6 năm 2021	6.5% - 6.7%	Thế chấp tài sản cố định như nhà xưởng, nhà văn phòng và máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP.HCM				
Khoản vay 1	28.134.151.690	Từ ngày 21 tháng 09 năm 2020 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021	5.8% - 6.0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>399.079.752.766</u>			

21.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái					
Khoản vay 1	8.850.000.000	Ngày 09 tháng 12 năm 2027	Thanh toán tiền thuê đất	8%	
Khoản vay 1	4.800.000.000	Ngày 10 tháng 12 năm 2027	Thanh toán tiền thuê đất	8%	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre					
Khoản vay 1	7.588.647.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BG 992958.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre					
Khoản vay 1	301.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	932.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	8.9%	Tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	22.471.647.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	2.639.640.000				
Vay dài hạn	19.832.007.000				

21.4 Vay dài hạn một bên khác

Khoản vay dài hạn là khoản vay từ cá nhân bà Vương Hạnh Phương để tài trợ vốn lưu động trong kỳ. Khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn tới 30 tháng 6 năm 2022, với lãi suất 7.5%/năm và không có tài sản bảo đảm.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

							VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2020							
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	135.288.140.000	433.056.160	-	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	183.322.130.228
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	10.386.464.832	10.386.464.832
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(706.638.276)	(706.638.276)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.473.122.222)	(1.473.122.222)
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	1.281.212.849	-	-	(1.031.358.104)	249.854.745
Khác	-	-	-	-	-	(1.187.751.534)	(1.187.751.534)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>135.288.140.000</u>	<u>433.056.160</u>	<u>1.281.212.849</u>	<u>9.354.804.815</u>	<u>2.536.822.093</u>	<u>41.696.901.856</u>	<u>190.590.937.773</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>135.288.140.000</u>	<u>135.288.140.000</u>

22.3 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền	45.099.100	13.528.814.000

22.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	13.528.814	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	13.528.814	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.814	13.528.814
Cổ phiếu đang lưu hành	13.528.814	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.814	13.528.814

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND
	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Số đầu kỳ	54.492.018.210
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2.958.845.443
	(1.255.590.100)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(142.814.595)
Số cuối kỳ	<u>56.052.458.958</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tổng doanh thu	850.397.048.086	793.588.502.985
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	783.719.887.864	688.109.843.569
Doanh thu bán thành phẩm	65.555.342.041	104.627.785.465
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.121.818.181	850.873.951
Khoản giảm trừ doanh thu	7.859.449.345	7.306.038.372
Chiết khấu thương mại	6.007.131.917	4.611.673.373
Hàng bán bị trả lại	(781.830.584)	2.665.595.125
Giảm giá hàng bán	2.634.148.012	28.769.874
Doanh thu thuần	842.537.598.741	786.282.464.613
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	841.810.809.110	769.305.331.380
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	726.789.631	801.225.970

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.365.732.827	3.643.976.003
Lãi tiền gửi	3.142.156.786	2.080.817.612
Lãi trái phiếu	1.215.000.000	1.196.250.000
Lãi hợp tác kinh doanh	-	789.244.444
Chiết khấu thanh toán	361.398.206	442.175.166
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.743.317	29.700.000
Khác		725.417.397
TỔNG CỘNG	10.097.031.136	8.907.580.622

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Giá vốn hàng hóa	576.250.894.643	544.356.926.932
Giá vốn thành phẩm	48.684.456.488	52.733.891.875
Giá trị hàng tồn kho hư hỏng, hết hạn, xuất hủy trong kỳ được tính trực tiếp vào giá vốn	1.297.756.973	250.668.908
Giá vốn cho thuê hoạt động	82.771.991	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.145.822.618	1.097.345.127
	<u>4.184.511.122</u>	<u>598.178.283</u>
TỔNG CỘNG	<u>631.646.213.835</u>	<u>599.037.011.125</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	23.842.446.048	15.183.926.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	702.669.087	317.541.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.541.423.528	365.540.309
Chiết khấu thanh toán	950.966.953	1.048.483.577
Khác	1.089.843	54.105.967
	<u>27.038.595.459</u>	<u>16.969.597.574</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.038.595.459</u>	<u>16.969.597.574</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí bán hàng	131.137.976.400	105.427.539.394
Chi phí nhân viên	85.777.497.431	66.734.373.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.217.668.498	22.931.033.292
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.989.693.437	2.027.802.421
Chi phí vật liệu, bao bì	48.256.165	458.455.607
Chi phí vận chuyển	1.971.383.199	-
Khác	19.133.477.670	13.275.874.614
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.966.096.893	50.785.299.002
Chi phí nhân viên	22.882.624.749	33.659.186.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.966.804.962	6.804.380.997
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.124.048.404	1.994.410.828
Chi phí vật liệu quản lý	279.244.497	1.342.115.019
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	(431.719.254)
Chi phí vật dụng văn phòng	1.674.978.994	41.565.710
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	759.389.568	759.389.568
Thuế, phí	124.948.486	516.789.857
Khác	7.154.057.233	6.099.179.816
TỔNG CỘNG	179.104.073.293	156.212.838.396

27. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Hàng tặng nhận được từ nhà cung cấp	563.754.168	1.499.747.657
Xóa sổ khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bảo hiểm thất nghiệp phải trả	119.506.281	244.802.022
Cho thuê mặt bằng	-	336.454.558
Thanh lý tài sản cố định	-	117.972.296
Khác	1.156.164.614	365.317.671
TỔNG CỘNG	1.839.425.063	2.564.294.204

28. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Truy thu thuế	1.848.362.199	
Chi phí khác	96.164.758	401.647.697
TỔNG CỘNG	1.944.526.957	401.647.697

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.542.598.968	5.629.894.636
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	287.537.569	(208.540.479)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những kỳ trước	(1.402.166.995)	-
TỔNG CỘNG	<u>5.427.969.542</u>	<u>5.421.354.157</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty

29.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	850.550.311	518.031.951	332.518.360	(108.637.473)
	<u>850.550.311</u>	<u>518.031.951</u>		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	914.700.821	597.522.869	317.177.952	317.177.952
Chi phí trích trước	(937.233.881)	-	(937.233.881)	-
	<u>(22.533.060)</u>	<u>597.522.869</u>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			<u>(287.537.569)</u>	<u>208.540.479</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	726.789.631	801.225.970
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng Lãi cho vay	1.149.071.901 734.933.334	1.261.056.913 1.049.244.444

Các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	<u>117.268.767</u>	<u>184.343.715</u>
<i>Ứng trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	<u>550.200.000</u>	<u>550.200.000</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Cho vay	<u>0</u>	<u>10.000.000.000</u>



Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Đặt cọc thuê mặt bằng	<u>95.938.480</u>	<u>95.938.480</u>
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	<u>157.818.077</u>	<u>164.730</u>

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5.283.260.500	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư Y tế		
Quảng Ngãi	66.641.390	-
Đại lý Cao Văn Tươi	33.111.268	-
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6.584.879	-
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3.106.853	-
Ngoại tệ		
USD	216	30.785
EUR	201,85	201,85

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

31.SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.

		
Nguyễn Thị Thanh Giang Người lập	Nguyễn Khắc Hành Kế toán trưởng	Phạm Thủ Triệu Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 01 năm 2021